

Số: /QĐ-SLĐTBXH

Điện Biên, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Hệ thống văn bản quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4109/QĐ-BKHHCN ngày 31/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về công bố tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 hệ thống quản lý chất lượng - các yêu cầu;

Căn cứ Quyết định số 2141/QĐ-SLĐTBXH ngày 21/9/2023 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Về việc kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Điện Biên;

Theo đề nghị của Ban Chỉ đạo ISO Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Hệ thống văn bản quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 (Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Ban chỉ đạo ISO có trách nhiệm phổ biến, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Sở; Trưởng các phòng, đơn vị trực thuộc Sở và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Đăng Ninh

Phụ lục
DANH MỤC HỆ THỐNG VĂN BẢN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SLĐTBXH ngày / /2024
của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

TT	TÊN TÀI LIỆU/QUY TRÌNH	MÃ HIỆU
A	CÁC TÀI LIỆU HỆ THỐNG	
1	Sổ tay chất lượng	STCL
2	Kiểm soát tài liệu và hồ sơ	HD-01
3	Quản lý rủi ro và cơ hội	HD-02
4	Đánh giá nội bộ	HD-03
5	Kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	HD-04
6	Xem xét của Lãnh đạo đối với HTQLCL	HD-05
B	CÁC QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TTHC	
I	LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI	
1.	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	QT-TNXH-01
2.	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	QT-TNXH-02
3.	Cấp lại Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	QT-TNXH-03
4.	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	QT-TNXH-04
5.	Gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	QT-TNXH-05
6.	Cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	QT-TNXH-06
7.	Cấp lại giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	QT-TNXH-07
8.	Thu hồi Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy trong trường hợp cơ sở cai nghiện có văn bản đề nghị dừng hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	QT-TNXH-08
II	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG	
9.	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	QT-NCC-01
10.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	QT-NCC-02
11.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT-NCC-03

12.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	QT-NCC-04
13.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	QT-NCC-05
14.	Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	QT-NCC-06
15.	Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an	QT-NCC-07
16.	Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh	QT-NCC-08
17.	Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động	QT-NCC-09
18.	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	QT-NCC-10
19.	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	QT-NCC-11
20.	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	QT-NCC-12
21.	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	QT-NCC-13
22.	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	QT-NCC-14
23.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	QT-NCC-15
24.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-NCC-16
25.	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT-NCC-17
26.	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	QT-NCC-18
27.	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT-NCC-19

28.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QT-NCC-20
29.	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	QT-NCC-21
30.	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	QT-NCC-22
31.	Hưởng lại chế độ ưu đãi	QT-NCC-23
32.	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	QT-NCC-24
33.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QT-NCC-25
34.	Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công	QT-NCC-26
35.	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	QT-NCC-27
36.	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	QT-NCC-28
37.	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT-NCC-29
38.	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT-NCC-30
39.	Cấp giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh	QT-NCC-31
40.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - Pu - Chia	QT-NCC-32
41.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống pháp	QT-NCC-33
42.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	QT-NCC-34
III	LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP	
43.	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT-GDNN-01
44.	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT-GDNN-02
45.	Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT-GDNN-03

46.	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT-GDNN-04
47.	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT-GDNN-05
48.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	QT-GDNN-06
49.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	QT-GDNN-07
50.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	QT-GDNN-08
51.	Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	QT-GDNN-09
52.	Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	QT-GDNN-10
53.	Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	QT-GDNN-11
54.	Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	QT-GDNN-12
55.	Cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	QT-GDNN-13
56.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	QT-GDNN-14
57.	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	QT-GDNN-15
58.	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	QT-GDNN-16

59.	Thành lập hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT-GDNN-17
60.	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT-GDNN-18
61.	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	QT-GDNN-19
62.	Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập	QT-GDNN-20
63.	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	QT-GDNN-21
64.	Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	QT-GDNN-22
65.	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục	QT-GDNN-23
66.	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục	QT-GDNN-24
67.	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị	QT-GDNN-25
68.	Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục	QT-GDNN-26
69.	Thành lập phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn	QT-GDNN-27
70.	Chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp	QT-GDNN-28
IV	LĨNH VỰC LAO ĐỘNG	
71.	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	QT-LĐ-01
72.	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	QT-LĐ-02
73.	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	QT-LĐ-03
74.	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	QT-LĐ-04
75.	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	QT-LĐ-05
76.	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	QT-LĐ-06
77.	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	QT-LĐ-07
78.	Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể	QT-LĐ-08
V	LĨNH VỰC TIỀN LƯƠNG	
79.	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối	QT-TL-01

	với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu.	
80.	Xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II, hạng III)	QT-TL-02
VI	LĨNH VỰC QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC	
81.	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	QT-LĐNN-01
82.	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	QT-LĐNN-02
83.	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)	QT-LĐNN-03
VII	LĨNH VỰC VIỆC LÀM	
84.	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	QT-VL-01
85.	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	QT-VL-02
86.	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	QT-VL-03
87.	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	QT-VL-04
88.	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	QT-VL-05
89.	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	QT-VL-06
90.	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	QT-VL-07
91.	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	QT-VL-08
92.	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	QT-VL-09
93.	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	QT-VL-10
94.	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	QT-VL-11
95.	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	QT-VL-12
96.	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)	QT-VL-13
97.	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)	QT-VL-14
98.	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm	QT-VL-15
99.	Chấm dứt hưởng TCTN	QT-VL-16

100.	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	QT-VL-17
101.	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	QT-VL-18
102.	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	QT-VL-19
103.	Thông báo tìm kiếm việc làm hàng tháng	QT-VL-20
104.	Giải quyết hỗ trợ học nghề	QT-VL-21
XIII	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI	
105.	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	QT-BTXH-01
106.	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	QT-BTXH-02
107.	Đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	QT-BTXH-03
108.	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	QT-BTXH-04
109.	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	QT-BTXH-05
110.	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	QT-BTXH-06
111.	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động sơ sở trợ giúp xã hội do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp	QT-BTXH-07
112.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	QT-BTXH-08
113.	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	QT-BTXH-09
114.	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	QT-BTXH-10
115.	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh	QT-BTXH-11
IX	LĨNH VỰC TRẺ EM	
116.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT-TE-01
117.	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc	QT-TE-02
X	LĨNH VỰC AN TOÀN - VỆ SINH LAO ĐỘNG	
118.	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp.	QT-ATVSLĐ-01
119.	Khai báo với Sở Lao động-Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	QT-ATVSLĐ-02
120.	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề	QT-ATVSLĐ-03

	<p>ngiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động</p>	
121	<p>Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp</p>	QT-ATVSLĐ-04